



QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán thu - chi ngân sách được giao
và phân bổ cho các đơn vị trực thuộc của Sở Tài nguyên và Môi trường
năm 2020**

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-STC ngày 09/12/2019 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu - chi ngân sách được giao và phân bổ cho các đơn vị trực thuộc của Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2020 (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Căn cứ Quyết định công bố công khai, Chánh Văn phòng Sở có trách nhiệm công khai tại bảng thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Công nghệ Thông tin có trách nhiệm công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Chi cục Trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường, Chi cục Trưởng Chi cục Quản lý đất đai, Giám đốc các đơn vị sự nghiệp và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Sở Tài chính;
 - Lưu: VT, KHTC02b.Tr07b.
- D:\Trinh\2019\QD\congkhai *td*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Thường

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 963/QĐ-STNMT ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

ĐVT: triệu đồng

TT	Mô tả chi tiết	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó						QBVMT		
				VPS	CCBVMT	CCQLĐĐ	VPĐK	TTCNTT	TTPTQĐ		TTKTTNMT	
A	Dự toán thu											
I	Tổng số thu	15.440	15.440	1.065	3.950	0	10.200	225				0
	Thu phí, lệ phí	15.440	15.440	1.065	3.950	0	10.200	225				
-	Lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản	50	50	50								
-	Lệ phí cấp giấy CNQSDĐ	3.000	3.000				3.000					
-	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	4.000	4.000				4.000					
-	Phí thẩm định trữ lượng khoáng sản	30	30	30								
-	Phí thẩm định đề án; báo cáo thăm dò, xả thải, khai thác, sử dụng tài nguyên nước	335	335	335								
-	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	2.600	2.600		2.600							
-	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	1.350	1.350		1.350							
-	Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất (thu của tổ chức)	550	550	550								
-	Phí khai thác sử dụng tài liệu đất đai	3.400	3.400				3.200	200				
-	Phí khai thác và sử dụng tư liệu đo đạc bản đồ	25	25					25				
-	Phí thẩm định cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ	100	100	100								
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại phục vụ cho hoạt động thu phí	7.047	7.047		650		6.240	157				
1	Cải cách tiền lương	323	323		260			63				

TT	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó									
			VPS	CCBVMT	CCQLĐĐ	VPĐK	TTCNTT	TTPTQB	TTKTTNMT	QBVMT		
2	Bổ sung kinh phí hoạt động	6.724	6.724		390		6.240	94				
III	Số thu nộp NSNN	8.393	8.393	1.065	3.300	0	3.960	68				0
	Phí, lệ phí	8.393	8.393	1.065	3.300	0	3.960	68				0
-	Lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản	50	50									
-	Lệ phí cấp giấy CNQSDĐ	3.000	3.000				3.000					
-	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	0	0									
-	Phí thẩm định trữ lượng khoáng sản	30	30									
-	Phí thẩm định đề án; báo cáo thăm dò, xã thái, khai thác, sử dụng tài nguyên nước	335	335									
-	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	1.950	1.950				1.950					
-	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	1.350	1.350				1.350					
-	Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất (thu của tổ chức)	550	550									
-	Phí khai thác sử dụng tài liệu đất đai	1.020	1.020						960	60		
-	Phí khai thác và sử dụng tư liệu đo đạc bản đồ	8	8							8		
-	Phí thẩm định cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ	100	100									
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	124.329	124.329	40.709	5.212	4.421	21.460	3.996	2.000	26.531	20.000	
I	Kinh phí hành chính	17.759	17.759	10.552	4.286	2.921						
1	Tự chủ	15.864	15.864	9.665	3.278	2.921						
-	Chi cho con người	10.954	10.954	6.497	2.306	2.151						
+	Nguồn ngân sách nhà nước cấp	8.229	8.229	4.499	1.579	2.151						
+	Chi từ nguồn cải cách tiền lương của đơn vị	2.725	2.725	1.998	727							
-	Chi hoạt động	4.910	4.910	3.168	972	770						
2	Không tự chủ	1.895	1.895	887	1.008							



TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó								
				VPS	CCBVMT	CCQLDD	VPĐK	TTCNTT	TTPTQB	TTKTTNMT	QBVMT	
a	Hợp đồng theo Nghị định số 68/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP	445	445	337	108							
b	Các nhiệm vụ	1.450	1.450	550	900							
-	Trang phục thanh tra	100	100	100								
-	KP xử phạt vi phạm hành chính	200	200	200								
-	Phí, lệ phí	1.000	1.000	100	900							
-	Kinh phí sửa chữa	150	150	150								
II	Sự nghiệp Địa chính	39.470	39.470	5.857	0	1.500	21.460	1.893	2.000	6.760	0	
-	KP hoạt động thường xuyên	1.893	1.893					1.893				
-	KP hoạt động không thường xuyên	37.577	37.577	5.857		1.500	21.460		2.000	6.760		
III	Sự nghiệp Môi trường	67.100	67.100	24.300	926	0	0	2.103	0	19.771	20.000	
-	Bổ sung nguồn vốn Quỹ Bảo vệ Môi trường	20.000	20.000								20.000	
-	Các hoạt động, dự án bảo vệ môi trường	47.100	47.100	24.300	926			2.103		19.771		